

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HS-ST
Ngày: 25-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NG, TỈNH THANH HÓA**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tòng

2. Ông Nguyễn Văn D

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Cao Cường – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã NgS, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thị xã NgS, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thị xã NgS, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 181/2021/TLST – HS ngày 17 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2021/QĐXXST – HS ngày 29 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2021/HSST-QĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Lê Hữu D – Sinh năm: 1986 tại phường TH, thị xã NgS, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKTT: TDP TH1, phường TH, thị xã NgS, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam; Con ông: Lê Văn L (Đã chết) và bà: Lê Thị T – Sinh năm: 1964; Vợ: Trần Thị Lan O – Sinh năm: 1995; Có 01 con sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Năm 2010, bị Tòa án nhân dân huyện TG (Nay là thị xã NgS), tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 21 tháng 04 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 16/2010/HSST ngày 11/3/2010.

- Năm 2013, bị Tòa án nhân dân huyện QC, tỉnh NA xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 20/2013/HSST ngày 29/7/2013.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/9/2021 đến nay – Có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn Đ – Sinh năm: 1994 tại xã HY, thị xã NgS, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKTT: Thôn BY, xã HY, thị xã NgS, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam; Con ông: Lê Văn N – Sinh năm: 1968 và bà: Lê Thị Đ1 – Sinh năm: 1969.

Tiền án: Không

Tiền sự: Tháng 8/2021 bị Chủ tịch UBND xã HY, thị xã Ngh Sơn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/9/2021 đến nay – Có mặt tại phiên tòa.

* **Người bị hại:** Chị Đinh Thị L1 – Sinh năm: 1988; Trú tại: TDP TrS, phường TH, thị xã NgS, tỉnh Thanh Hóa (Vắng)

* **Người làm chứng:**

- Anh Nguyễn Hữu Kh – Sinh năm: 1988; Trú tại: TDP VX, phường XL, thị xã NgS, tỉnh Thanh Hóa (Vắng)

- Anh Nguyễn Anh Q – Sinh năm: 1992; Trú tại: TDP VX, phường XL, thị xã NgS, tỉnh Thanh Hóa (Vắng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13h00 ngày 02/9/2021, Lê Hữu D – Sinh năm 1986, trú tại tổ dân phố TH1, phường TH, thị xã NgS đi xe mô tô đến nhà Lê Hữu D – Sinh năm 1994, ở Thôn BY, xã HY rủ Đ đi sang Phường Nguyên Bình chơi. Đến khoảng 13 giờ 50 phút, D chở Đ đi đến khu vực cầu mới thuộc tổ dân phố VX, phường XL thì nhìn thấy chị Đinh Thị L1, sinh năm 1988 trú tại tổ dân phố TrS, phường TH đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xám, BKS 36B3 - 931.21 đi phía trước cùng chiều, ở túi quần sau bên trái chị L1 có cất 01 chiếc điện thoại di động nên D nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại nêu trên. D nói ý định trên với Đ, đồng thời điều khiển xe mô tô áp sát về phía bên trái xe của chị L1, Đ ngồi phía sau dùng tay phải giật chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V2043 ở

túi quần sau bên trái của chị L1 làm chiếc điện thoại bị rơi xuống đường. Thấy vậy, D giảm tốc độ xe, Đ nhảy xuống nhặt chiếc điện thoại. Cùng lúc này chị L1 hô hoán “Cướp, cướp, cướp...”, Đ bỏ chạy thì bị một số người dân xung quanh cùng với chị L1 bắt giữ, đưa đến UBND phường Xuân Lâm lập biên bản tiếp nhận người bị bắt trong trường hợp quả tang, sau đó chuyển giao cho Cơ quan điều tra công an thị xã NgS giải quyết theo thẩm quyền. Còn Lê Hữu D điều khiển xe bỏ chạy về nhà, đến 20 giờ 30 phút ngày 02/9/2021, D đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã NgS đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình và đồng phạm

Kết luận định giá tài sản số 116/KLDGTS ngày 05/9/2021 của Hội đồng định giá UBND thị xã NgS kết luận: chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V2043, màu xanh đen, gắn sim 0976423891 của chị Đinh Thị L1 bị cướp giật ngày 02/9/2021 nêu trên có tổng giá trị là 1.825.000 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô của chị Nguyễn Thị O1 là người cho Lê Hữu D mượn xe mô tô ngày 02/9/2021, tuy nhiên chị O1 không biết D sử dụng xe vào mục đích cướp giật tài sản nên hành vi của chị O1 không cấu thành tội phạm.

Về vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V2043, màu xanh đen, gắn sim 0976423891 và 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đen xám, BKS: 93T5 – 6399. Quá trình điều tra, xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Thị O1 và anh Lê Hữu Tùng (chồng chị O1).

Bản cáo trạng số: 10/CT – VKSNS ngày 14/12/2021 của VKSND thị xã NgS, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Lê Hữu D và Lê Văn Đ về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của BLHS.

****Tại phiên tòa Viện kiểm sát đề nghị:***

- Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của BLHS cho cả 02 bị cáo.

Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của BLHS cho bị cáo D.

Tuyên bố các bị cáo Lê Hữu D và Lê Văn Đ phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Mức hình phạt mà VKS đề nghị xử phạt đối với bị cáo Lê Hữu D là từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 02/9/2021). Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Mức hình phạt mà VKS đề nghị xử phạt đối với bị cáo Lê Văn Đ là từ năm đến 4 năm 06 tháng đến 05 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 02/9/2021). Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không có yêu cầu gì nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Đã được CQĐT xử lý đúng theo quy định nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Các bị cáo thống nhất với tội danh mà VKSND thị xã NgS, tỉnh Thanh Hóa truy tố, không có tranh luận gì. Các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an thị xã NgS, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã NgS, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa sơ thẩm công khai hôm nay, các bị cáo Lê Hữu D và Lê Văn Đ thống nhất khai nhận: Khoảng 13 giờ 50 phút ngày 02/9/2021, tại khu vực cầu mới thuộc tổ dân phố VX, phường XL, thị xã NgS, Lê Hữu D và Lê Văn Đ đã có hành vi dùng xe mô tô để thực hiện hành vi cướp giật 01 chiếc điện thoại di động của chị Đinh Thị L1 trị giá 1.825.000^d (*Một triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) khi chị L1 đang điều khiển mô tô.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa cũng như lời khai tại CQĐT, phù hợp với lời khai của người bị hại và những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã NgS, tỉnh Thanh Hóa thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở kết luận Lê Hữu D và Lê Văn Đ phạm tội “Cướp giật tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của BLHS.

[3] Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo thực hiện không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mà còn gây nguy hiểm cho tính mạng của người bị hại, gây lo lắng bất an cho quần chúng nhân dân.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận, chỉ vì một chút bốc đồng, thiếu suy nghĩ khi đang đi trên đường phát hiện sự sơ suất, mất cảnh giác trong việc bảo vệ tài sản của người bị hại mà các bị cáo đã có hành động nguy hiểm, áp sát xe máy và giật chiếc điện thoại trong túi quần sau của người bị hại làm chiếc điện thoại rơi xuống đường. Không dừng lại ở đó, bị cáo Đ còn nhảy xuống xe để nhặt chiếc điện thoại nhưng ngay lúc này người bị hại đã tri hô để những người xung quanh kịp thời bắt giữ bị cáo Đ và giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý. Bị cáo D chạy thoát nhưng sau đó đã đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã NgS xin được đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử, buộc bị cáo phải chịu một hình phạt là cần thiết và cần phải có đường lối xử lý tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra để giáo dục riêng cho các bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như vai trò của các bị cáo, HĐXX thấy rằng: Bị cáo D không có tiền án, tiền sự nhưng có một nhân thân xấu đó là năm 2010 và 2013 đã bị các TAND huyện TG (nay là thị xã NgS), tỉnh Thanh Hóa và TAND huyện QC, tỉnh NA đưa ra xét xử đều cùng về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích. Còn bị cáo Đ thì có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị Chủ tịch UBND xã HY, thị xã NgS, tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường.

Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn. Các bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất trước mà mọi hành vi chỉ là bột phát khi đang đi chơi trên đường. Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra vụ án, bị cáo D khai nhận mình là người khởi xướng việc cướp giật chiếc điện thoại của chị L1 và được bị cáo Đ đồng ý cùng thực hiện. Do vậy vai trò của các bị cáo là ngang nhau. Sau khi thực hiện phạm tội,

nhận thức được hành vi của mình, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định ở điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo D được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội ra đầu thú” quy định ở khoản 2 Điều 51 BLHS.

Đối chiếu với pháp luật hình sự, nghĩ cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu nên HĐXX miễn xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng". Nhưng do các bị cáo không có nghề nghiệp, lại đang bị tạm giam. Nên HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt phụ đối với các bị cáo.

[7] Án phí: Buộc bị cáo Lê Hữu D và Lê Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của BLHS cho cả 02 bị cáo. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo D.

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Hữu D và Lê Văn Đ phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Xử phạt: Lê Hữu D và Lê Văn Đ mỗi bị cáo 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 02/9/2021). Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 136; 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 các điểm a khoản 1 Điều 23; mục 1 phần I và điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải chịu **200.000^d** (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Tuyên bố bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa

có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND thị xã NgS;
- Cơ quan CSĐT-CA thị xã NgS;
- Nhà tạm giữ - CA thị xã NgS;
- Chi cục THADS thị xã NgS;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh Nga